TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG THỦY** TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HS-ST
Ngày: 19/8/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Vinh Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Trình và ông Trần Văn Cường.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Hồng Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

1. Trần L, sinh ngày 12/6/1986, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn Hà Úc 1, xã Vinh An, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Căn và bà Nguyễn Thị Hòa; vợ: Phạm Thị L; có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/01/2022 cho đến nay. Có mặt.

2. Trần Văn B, sinh ngày 08/5/1999, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn Trung Hưng, xã Vinh Hưng, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Căn và bà Nguyễn Thị Hòa; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/01/2022 cho đến nay. Có mặt.

3. Trần Gia Th, sinh ngày 12/8/1998, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn Đức Lam Trung, thị trấn Phú Đa, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ học vấn: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Nhơn N và bà Lê Thị Hồng; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Quá trình nhân thân:

- Ngày 30/3/2018, bị Công an huyện Phú Vang xử phạt hành chính 2.500.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích (Quyết định số: 6725/QĐ-XPVPHC), đã nộp phạt ngày 02/04/2018.

Bị tạm giam từ ngày 01/4/2022 cho đến nay. Có mặt.

4. Lê Văn M (tên gọi khác: Sẹo), sinh ngày 02/02/1998, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: thôn Mộc Trụ, xã Phú Gia, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ học vấn: Lớp 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Thanh và bà Trần Thị B; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Có 01 tiền án:

- Ngày 21/7/2021, bị TAND tỉnh Thừa Thiên Huế tuyên phạt 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 năm 06 tháng, về tội: "Cố ý gây thương tích" (Bản án số: 78/2021/HSPT).

Bị tạm giam từ ngày 01/4/2022 cho đến nay. Có mặt.

5. Nguyễn Thanh T, sinh ngày 01/01/1991, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn Hà Úc, xã Vinh An, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thể và bà Huỳnh Thị Lài; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; quá trình nhân thân:

- Ngày 26/9/2019, bị TAND thị xã Hương Thủy tuyên phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng, về tội: "Trộm cắp tài sản" (Bản án số: 59/2019/HSST). Chấp hành xong thời gian thử thách ngày 26/12/2020.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/01/2022 cho đến nay. Có mặt.

6. Phạm Văn M (tên gọi khác: Cu), sinh ngày 18/02/2000, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn Vĩnh Lương Khê, xã Phú Lương, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm nấm; trình độ học vấn: Lớp 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Tạo và bà Nguyễn Thị Thúy; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/3/2022 cho đến nay. Có mặt.

7. Văn Viết C, sinh ngày 25/02/1991, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn Trung Hưng, xã Vĩnh Hưng, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ học vấn: Lớp 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Văn Viết Nhân và bà Trần Thị Phê; vợ: Phạm Thị Ngọc Châu, con: Có 02 người, con lớn nhất sinh năm 2015 và con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/3/2022 cho đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Trần L, Trần Văn B:* Luật sư Nguyễn Viết Hưng, Luật sư Công ty Luật TNHH 1 thành viên AMI, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn T, sinh năm 1993 và chị Trần Thị Mãnh, sinh năm 1994, trú tại thôn Trung Hưng, xã Vĩnh Hưng, huyện Phú Lộc. Đều có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm L, sinh năm 1970, trú tại thôn Hà Úc 2, xã Vinh An, huyện Phú Vang, là bố vợ của C. Vắng mặt.

2. Anh Đào Ngọc V, sinh năm 1991, trú tại tổ dân phố Hòa Tây, thị trấn Phú Đa, huyện Phú Vang. Có mặt.

3. Chị Phạm Thị L, trú tại: Thôn Hà Úc 1, xã Vinh An, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

4. Ông Trần Nhơn N, trú tại: Thôn Đức Lam Trung, thị trấn Phú Đa, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

5. Bà Trần Thị B, trú tại: Thôn Mộc Trụ, xã Phú Gia, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Phan Thiên Nh, sinh năm 1991, trú tại thôn Trường Lưu, thị trấn Phú Đa, huyện Phú Vang. Có mặt.

2. Anh Nguyễn T, sinh năm 1985, trú tại tổ 4, phường Phú Bài, thị xã Hương Thuỷ (anh trai của T). Vắng mặt.

3. Anh Lê Q, sinh năm 2003. Trú tại: Thôn 1B, xã Thủy Phù, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2019, Trần L có cho anh Nguyễn T, sinh năm 1993, trú tại thôn Trung Hưng, xã Vĩnh Hưng, huyện Phú Lộc; vay số tiền là 10.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận với nhau lãi mỗi tháng là 1.200.000 đồng đến khoảng tháng 6/2021, thì anh T không trả tiền lãi và gốc cho L nên L nhờ Trần Văn B (em trai của L), đi tìm T để đòi nợ.

Khoảng 18 giờ 30 ngày 13/01/2022, B phát hiện T đang uống cà phê tại quán "Không tên" ở tại 143 đường Sông Hồng, phường Phú Bài, thị xã Hương Thuỷ, tỉnh Thừa Thiên Huế; nên B liên lạc cho Trần Gia Th đến đón B. Lúc này, Th đang ngồi uống cà phê cùng Nguyễn Thanh T, Phạm Văn M và Lê Văn M; nghe B gọi nên cả nhóm lên xe ô tô BKS: 75A-185.23 để anh Đào Ngọc V, sinh ngày 30/8/1991, trú tại thôn Hòa Tây, thị trấn Phú Đa, huyện Phú Vang; chở đi gặp B (xe này do Phạm Văn M thuê anh V chở đi uống cà phê). Khi đến quán cà phê "Không tên" nói trên thì anh V ngồi trên xe, còn Th, Tuấn, Phạm Văn M, Lê

Văn M đi vào trong quán gặp B, B nói: "Đã tìm được thằng nợ tiền anh L rồi, lên đây giữ hắn lại chờ L đến lấy tiền", cả nhóm đều nghe rõ và cùng B đi tìm anh T.

Lúc này, anh T đang ngồi uống cà phê ở tầng 2, phát hiện ra nhóm của B đến đòi nợ mình nên trốn vào phòng vệ sinh của quán. B phát hiện ra anh T đang trốn trong phòng vệ sinh nên vào kéo anh T ra và dùng tay đánh 01 cái vào mặt anh T (không gây thương tích gì); Tuấn, Th, Phạm Văn M, Lê Văn M thấy vậy cũng xông vào cùng B khống chế và bắt anh T đưa ra vị trí xe ô tô của anh V đang dừng đỗ. Lúc này, anh T phản kháng quyết liệt, không chịu lên xe nên cả nhóm khống chế, bắt anh T ngồi bên lề đường phía sau xe ô tô; rồi B gọi điện thoại (điện thoại của B) cho anh Nguyễn T, sinh năm 1985, trú tại tổ 4, phường Phú Bài, thị xã Hương Thuỷ (anh trai của T), nói cho anh Tèo biết là mình đang bắt giữ anh T, yêu cầu anh Tèo đưa số tiền là 10.000.000 đồng đến tại quán cà phê "Không Tên" để trả nợ thì B mới thả anh T về nhà. Sau đó B điện thoại cho L nói đã tìm được T ở quán cà phê "Không tên", L nói với B giữ anh T ở đó chờ L lên giải quyết.

L điện thoại nói với Văn Viết C đến chở L đi lấy tiền nợ, C điều khiển xe ô tô biển số Lào - 0825 (xe C mượn của ông Phạm L, sinh năm 1970, trú tại thôn Hà Úc 2, xã Vinh An, huyện Phú Vang, là bố vợ của C); đến chở L đến quán cà phê "Không tên".

Khi đến trước quán cà phê, L thấy anh T đang bị các đồng phạm của mình khống chế, L đi đến dùng tay đánh 1 cái vào mặt của anh T (không bị thương tích gì), rồi yêu cầu anh T phải gọi điện về cho gia đình để đưa tiền đến trả nợ cho L. Nhóm của L đợi khoảng 10 phút nhưng không thấy ai đưa tiền đến và lúc này thấy đông người qua lại, sợ bị Công an phát hiện nên L nói về quán cà phê "Ri Ô" ở đường Thuận Hóa, phường Thủy Lương, thị xã Hương Thuỷ, tỉnh Thừa Thiên Huế, cả nhóm đồng ý. L cùng B, Tuấn, khống chế và bắt anh T đưa lên xe ô tô biển số Lào do Văn Viết C điều khiển để chở về quán cà phê "RiO"; trên đường đi, C nghe L, B, Tuấn, nói anh T nợ tiền nên bắt giữ để yêu cầu người nhà đến trả nợ; biết vậy nhưng C vẫn điều khiển xe ô tô chở anh T và L, B, Tuấn, về quán cà phê nói trên. Còn Th, Lê Văn M và Phạm Văn M, đến nói với anh V chở về quán cà phê RiO rồi thanh toán tiền xe, anh V đồng ý, điều khiển xe ô tô BKS: 75A-185.23, chở 3 người đi.

Khi đến quán cà phê Ri Ô, anh V đứng chờ để thanh toán tiền xe, còn L, B, Th, Tuấn, Lê Văn M, Phạm Văn M, C, đi vào trong quán. Tại đây, L bắt anh T ngồi xuống bàn, còn B, Th, Tuấn, Lê Văn M, Phạm Văn M, đứng xung quanh khống chế anh T và thay nhau đe dọa, ép buộc anh T gọi điện thoại để cho gia đình đưa tiền đến cho L. Quá trình L và các đồng phạm khống chế, đe doạ anh T nói trên, C đều nghe rõ và nhìn thấy nhưng không có ý kiến gì. Còn anh T, do bị đe doạ nên phải điện thoại cho chị Trần Thị Mãnh (sinh ngày 22/6/1994, là vợ

của anh T), L nghe điện thoại và thông báo cho chị Mãnh biết là đang bắt giữ anh T, L yêu cầu chị Mãnh đưa số tiền 17.000.000 đồng (gốc và lãi) đến trả cho L thì L mới thả anh T về; chị Mãnh thoả thuận với L là trả 15.000.000 đồng, L nhất trí và hẹn chị Mãnh gặp nhau tại cổng bệnh viện Hương Thuỷ (việc L trao đổi với chị Mãnh, các đồng phạm đều biết). Sau đó thì Lê Văn M, Phạm Văn M ra xe ô tô BKS: 75A-185.23, do anh V điều khiển, chở đi về trước, những người còn lại vẫn ngồi trong quán để canh giữ, khống chế anh T và chờ lấy tiền.

Đến 22 giờ 30 cùng ngày, L, B, Tuấn, Th khống chế và bắt anh T đưa lên xe ô tô biển số Lào, do C điều khiển để đến điểm hẹn trước bệnh viện Hương Thủy lấy tiến; khi L và các đồng phạm đang nhận tiền của chị Mãnh thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hương Thuỷ bắt quả tang, riêng Th bỏ chạy.

Vật chứng thu giữ cơ quan điều tra thu giữ:

Số tiền 15.000.000 đồng.

01 xe ô tô BKS 75A-185.23, màu trắng, nhãn hiệu Toyota, loại Fortuner đã qua sử dụng.

01 xe ô tô biển kiểm soát Lào 0825.

01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu hồng, loại 32G của Nguyễn Thanh T.

01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs max, màu trắng của Văn Viết C.

01 điện thoại di động hiệu Xiaomi 11 lite 5G NE màu hồng của Trần Văn B.

01 điện thoại di động hiệu Vsmart màu xanh, màn hình cảm ứng bị vỡ hoàn toàn không sử dụng được của Trần L.

Hiện Cơ quan điều tra đã trả lại tiền và xe ô tô trên cho bị hại và các chủ sở hữu.

Đối với điện thoại Iphone 5 màu vàng của B bị rơi khi bị bắt quả tang Cơ quan CSĐT Công an thị xã Hương Thủy đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy.

Về trách nhiệm dân sự: anh T và chị Mãnh không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại về dân sự. Tuy nhiên; bị cáo Nguyễn Thanh T đã tự nguyện bồi thường cho anh T số tiền là 500.000 đồng; bị cáo Văn Viết C, Phạm Văn M đã bồi thường cho anh T số tiền là 1.000.000 đồng; chị Phạm Thị L đã bồi thường cho anh T thay các bị cáo Trần L, Trần Văn B số tiền là 5.000.000 đồng; ông Trần Nhơn N đã bồi thường cho anh T thay bị cáo Trần Gia Th số tiền là 1.000.000 đồng; bà Trần Thị B bồi thường cho anh T thay bị cáo Lê Văn M số tiền là 1.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 43/CT-VKSHTh ngày 11/7/2022, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy đã truy tố bị cáo Trần L và đồng phạm về tội "Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 169 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 169; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56; khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với riêng bị cáo Lê Văn M. Áp dụng thêm Điều 65 BLHS đối với bị cáo Văn Viết C. Xử phạt:

- Bị cáo Trần L từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ, tam giam 14/01/2022.

- Bị cáo Lê Văn M (tức Sẹo) từ 01năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù; Buộc bị cáo Lê Văn M phải chấp hành hình phạt phạt 01 năm 03 tháng tù của bản án hình sự phúc thẩm số 78/2021/HSPT ngày 21/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Tổng hợp, buộc bị cáo Lê Văn M phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 01/4/2022.

- Bị cáo Trần Văn B, Nguyễn Thanh T, Trần Gia Th từ 08 đến 10 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (B, T từ ngày 14/01/2022; Th từ ngày 01/4/2022).

- Bị cáo Phạm Văn M (tức Cu) từ 06 đến 08 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Bị cáo Văn Viết C từ 06 đến 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về dân sự: Không có ai yêu cầu gì thêm về dân sự. Nên đề nghị không xem xét. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu hồng, loại 32G của Nguyễn Thanh T, 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs max, màu trắng của Văn Viết C và 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi 11 lite 5G NE màu hồng của Trần Văn B; các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo. Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vsmart màu xanh, màn hình cảm ứng bị vỡ hoàn toàn không sử dụng được của Trần L, đây là công cụ phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa trình bày: Thống nhất về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa. Các bị cáo Trần L, Trần Văn B đã phạm tội "Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 169 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, đề nghị xem xét cho các bị cáo L, B là trong trường hợp này, người bị hại cũng có một phần lỗi; các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do nhận thức pháp luật có phần còn hạn chế; bị cáo L vì muốn nhanh chóng đòi tiền anh T nợ lâu mà cố tình trốn tránh không trả, bị cáo B chỉ vì muốn đòi lại tiền cho anh trai mình mà phạm tội. Các bị cáo có nhiều

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, người bị hại cũng tha thiết xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo B là bộ đội vừa giải ngũ, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ có nhiều thành tích và được Phòng Chính trị - Sư đoàn 324 tặng danh hiệu "Chiến sĩ tiên tiến" nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Tại phiên tòa, tất cả các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố; nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật; tỏ ra ăn năn, hối hận về hành vi đã gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ.

Tại phiên tòa, người bị hại anh Nguyễn T tự nhận mình cũng có một phần lỗi; không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm và tha thiết đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Chị Phạm Thị L, ông Trần Nhơn N, bà Trần Thị B không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền đã bồi thường cho anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Hương Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 18 giờ 30 phút đến 22 giờ 30 phút, tại phường Phú Bài, thị xã Hương Thuỷ, tỉnh Thừa Thiên Huế; Trần L, Trần Văn B, Trần Gia Th, Nguyễn Thanh T, Lê Văn M, Phạm Văn M và Văn Viết C, đã có hành vi thống nhất cùng nhau bắt cóc anh Nguyễn T làm con tin, nhằm mục đích để chiếm đoạt tài sản. Sau khi bắt được anh T, L và các đồng phạm đã đưa anh T đi đến nhiều địa điểm khác nhau (tại phường Phú Bài, phường Thuỷ Lương), để giữ và khống chế buộc anh T phải liên lạc với vợ là chị Trần Thị Mãnh và buộc chị Mãnh đưa cho L số tiền 15.000.000 đồng. Đến 22 giờ 30 phút, L và các đồng phạm đang lấy số tiền trên từ chị Mãnh thì bị Cơ quan điều tra Công an thị xã Hương Thuỷ phát hiện, bắt quả tang.

[3] Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 169 Bộ luật Hình sự. Do vậy, tại bản cáo trạng số 43/CT-VKSHTh ngày 11/7/2022, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy truy tố các bị cáo Trần L, Trần Văn B, Trần Gia Th, Lê Văn M, Nguyễn

Thanh T, Phạm Văn M và Văn Viết C theo tội danh và điều luật đã viện dẫn trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với anh Đào Ngọc V, quá trình điều tra, thẩm vấn tại phiên tòa đã xác định anh V không có vai trò đồng phạm trong vụ án nên cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[4] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, thấy rằng: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau. Trong đó Trần L là người chủ mưu, cầm đầu và thực hành tích cực nhất; cùng với Trần Văn B là em ruột của L, Trần Gia Th, Nguyễn Thanh T, Lê Văn M, Phạm Văn M là những người thực hành, cùng thống nhất ý chí thực hiện tội phạm, còn Văn Viết C là người giúp sức cho việc thực hiện tội phạm. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp; mục đích bắt giữ anh Nguyễn T để đe doạ nhằm buộc người thân của anh T giao tài sản mới cho anh T về. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm khách thể là sức khỏe, quyền tự do thân thể, tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thị xã Hương Thủy nên cần thiết phải xử lý nghiêm.

[5] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng:

Các bị cáo Lê Văn M, Nguyễn Thành T, Trần Gia Th có nhân thân xấu. Trong đó: bị cáo Lê Văn M đang có 01 tiền án về tội "Cố ý gây thương tích" chưa được xóa án tích. Bị cáo Nguyễn Thành T đã bị Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Trộm cắp tài sản; đã chấp hành xong thời gian thử thách ngày 26/12/2020 nên khi phạm tội lần này đã được xóa án tích. Bị cáo Trần Gia Th đã bị xử phạt hành chính năm 2018 về hành vi cố ý gây thương tích. Các bị cáo còn lại đều có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Văn M đã phạm vào tình tiết tăng nặng: "Tái phạm" quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo còn lại đều không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tất cả các bị cáo (7 bị cáo) đều được áp dụng là bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, các bị cáo Trần Văn B, Nguyễn Thanh T có thành tích tốt được tặng

danh hiệu: "Chiến sỹ tiên tiến" trong thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự tại Sư đoàn 324; các bị cáo Trần Gia Th, Văn Viết C, được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là gia đình có công với cách mạng; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về biện pháp chấp hành hình phạt:

Các bị cáo phạm tội nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo thực hiện gây dư luận xấu, gây tâm lý bức xúc trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét các bị cáo tuổi đời đều còn trẻ, thực hiện hành vi phạm tội do nhận thức pháp luật có phần hạn chế, chỉ vì muốn giúp người khác đòi nợ mà không có động cơ, mục đích cá nhân; các bị cáo không được hưởng lợi từ việc giúp bị cáo Trần L đòi nợ. Trong khi các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên HĐXX xem xét áp dụng thêm Điều 54 BLHS để xử các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo Lê Văn M có nhân thân xấu, có 01 tiền án. Tại bản án hình sự phúc thẩm số 78/2021/HSPT ngày 21/7/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt Lê Văn M 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 năm 06 tháng, về tội: "Cố ý gây thương tích". Trong thời gian thử thách bị cáo Lê Văn M đã thực hiện hành vi phạm tội mới nên HĐXX buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án này theo quy định tại Điều 56; khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xét nhân thân và vai trò của các bị cáo, thấy cần thiết áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo Trần L, Trần Văn B, Lê Văn M, Trần Gia Th, Nguyễn Thanh T mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo Trần Văn B đã bị tạm giam tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 07 tháng 05 ngày. Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo này, thấy có thể xử phạt bị cáo B bằng với thời gian đã bị tạm giam cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Đối với các bị cáo Phạm Văn M, Văn Viết C có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, có địa chỉ cư trú rõ ràng và bị cáo Phạm Văn M có vai trò thứ yếu, bị cáo Văn Viết C chỉ là người giúp sức nên xét thấy không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù mà có thể cho các bị cáo này được hưởng án treo là cũng đủ tác dụng để giáo dục và phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Không có ai yêu cầu gì thêm về dân sự. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu hồng, loại 32G của Nguyễn Thanh T, 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs max, màu trắng của Văn Viết C và 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi 11 lite 5G NE màu hồng của Trần Văn B không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo này.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vsmart màu xanh, màn hình cảm ứng bị vỡ hoàn toàn không sử dụng được của Trần L, đây là công cụ phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

(Hiện vật chứng trên đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03/8/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Hương Thủy và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy)

[10] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các Trần L, Trần Văn B, Trần Gia Th, Lê Văn M, Nguyễn Thanh T, Phạm Văn M và Văn Viết C phạm tội "Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản".

2. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 169; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56; khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với riêng bị cáo Lê Văn M. Áp dụng thêm Điều 65 BLHS đối với các bị cáo Phạm Văn M, Văn Viết C. Xử phạt:

- Bị cáo Trần L: 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ, tam giam 14/01/2022.

- Bị cáo Lê Văn M (tức Sẹo): 01 (một) năm tù;

Buộc bị cáo Lê Văn M phải chấp hành hình phạt phạt 01 năm 03 tháng tù của bản án hình sự phúc thẩm số 78/2021/HSPT ngày 21/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm tù của bản án này, buộc bị cáo Lê Văn M phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 01/4/2022.

- Bị cáo Nguyễn Thanh T: 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 14/01/2022.

- Bị cáo Trần Văn B: 07 (bảy) tháng 05 (năm) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 14/01/2022.

Thời hạn phạt tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam. Áp dụng Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên bố trả tự do cho bị cáo Trần Văn B đang bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Bị cáo Trần Gia Th: 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 01/4/2022.

- Bị cáo Phạm Văn M (tức Cu): 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Văn Viết C: 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn M cho Uỷ ban nhân dân xã Phú Lương, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế; bị cáo Văn Viết C cho Uỷ ban nhân dân xã Vinh Hưng, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế có trách nhiệm giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; tuyên xử:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh T: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu hồng, loại 32G (thu của Nguyễn Thanh T).

Trả lại cho bị cáo Văn Viết C: 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs max, màu trắng (thu của Văn Viết C).

Trả lại cho bị cáo Trần Văn B: 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi 11 lite 5G NE màu hồng (thu của Trần Văn B).

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Vsmart màu xanh, màn hình cảm ứng bị vỡ hoàn toàn không sử dụng được (thu của Trần L).

(Hiện vật chứng trên đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03/8/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Hương Thủy và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy)

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Trần L, Trần Văn B, Trần Gia Th, Lê Văn M, Nguyễn Thanh T, Phạm Văn M và Văn Viết C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh T.T.Huế;
- Sở T pháp tỉnh T.T.Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- CA thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THA DS TX. Hương Thủy;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- UBND xã Phú Lương;
- UBND xã Vinh Hưng;
- Các Bị cáo;
- Các B hại;
- Các Người có QL, NVLQ;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hồ Vinh Phú